

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 7 năm 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư
2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên

Ngày 11/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1989 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Phú Mỹ 1, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:** Chị Hà Thị H, sinh năm 1989 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Phú Mỹ 1, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2022 và ý kiến trình bày của nguyên đơn anh Trần Văn T trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị H đăng ký kết hôn ngày 09/11/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dĩnh Kế (nay là phường Dĩnh Kế), thành phố Bắc Giang. Trước khi cưới anh chị được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi cưới vợ chồng anh về chung sống với nhau ngay tại tổ dân phố Phú Mỹ 1, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 11/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, hay cãi chửi nhau, có nhiều bất đồng quan điểm, anh chị ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung vợ chồng: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Hà Diệp C, sinh ngày 14/3/2012; Trần Hà Thành Đ, sinh ngày 22/3/2013 và Trần Hà Minh Trang, sinh ngày 01/10/2020; hiện nay cả 03 cháu đang ở cùng với chị H. Khi ly hôn anh để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện anh lao động tự do mức thu nhập không ổn định nên anh đề nghị cấp dưỡng nuôi con cho chị H là 3.000.000đồng/tháng cho cả 03 cháu, tức mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng/mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị H không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Hà Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, vợ chồng lấy nhau tự nguyện, không bị ai ép buộc. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Từ ngày 25/11/2020, anh T đi ra ngoài ở với người con gái khác, anh T không quan tâm, không liên lạc với chị và các con, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tại bản tự khai chị trình bày vẫn còn tình cảm với anh T nên chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, nhưng đến khi nhận giấy triệu tập đến phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì chị nhất trí ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Trần Hà Diệp C, sinh ngày 14/3/2012; Trần Hà Thành Đ, sinh ngày 22/3/2013 và Trần Hà Minh Trang, sinh ngày 01/10/2020. Hiện cả 03 cháu đang ở cùng chị, ly hôn chị xin nuôi cả 03 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 7.500.000đồng/tháng cho cả 03 cháu, tức 2.500.000đồng/tháng/mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh T không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ngày 03/6/2022 đối với ông Đỗ Văn Long – Tổ trưởng tổ dân phố Phú Mỹ 1, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang cung cấp: Anh T, chị H kết hôn năm 2010, trong quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu

thuần, có nhiều bất đồng quan điểm và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Anh T, chị H có 03 con chung hiện đang ở cùng chị H. Về mức thu nhập: Chị H, anh T đang là lao động tự do, chị H mức thu nhập khoảng 20.000.000đồng/tháng; anh T thu nhập bao nhiêu thì ông không nắm được.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2022 cháu Trần Hà Diệp C, sinh ngày 14/3/2012 và Trần Hà Thành Đ, sinh ngày 22/3/2013 đều trình bày: Hiện nay cháu đang ở với chị H. Khi bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với chị H.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 115; Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Trần Văn T ly hôn chị Hà Thị H.

+ Về con chung: Giao con chung Trần Hà Diệp C, sinh ngày 14/3/2012; Trần Hà Thành Đ, sinh ngày 22/3/2013 và Trần Hà Minh Trang, sinh ngày 01/10/2020 cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với chị H là 1.000.000đồng đến 1.500.000đồng/tháng/mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng là từ tháng 8/2022.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Trần Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Hà Thị H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điều a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ Điều a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ vợ chồng*: Anh Trần Văn T và chị Hà Thị H kết hôn ngày 09/11/2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị H đều xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đến nay đã trở lên trầm trọng và sống ly thân nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Anh T xin ly hôn với chị H do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Anh T, chị H có 03 con chung là Trần Hà Diệp C, sinh ngày 14/3/2012; Trần Hà Thành Đ, sinh ngày 22/3/2013 và Trần Hà Minh Trang, sinh ngày 01/10/2020. Anh T, chị H đều thống nhất để chị H nuôi cả 03 con chung, chị H có thu nhập ổn định, mặt khác các cháu cũng có nguyện vọng ở với chị H nên cần giao cả 03 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000đồng/tháng/mỗi cháu cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi; hiện anh T là lao động tự do, mức thu nhập không ổn định nên cần chấp nhận đề nghị của anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị H là 1.000.000đồng/tháng/mỗi cháu cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng là từ tháng 8/2022.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Các bên đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần tuyên các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 115 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Trần Văn T ly hôn với chị Hà Thị H.

2.2. Về con chung: Giao con chung là Trần Hà Diệp C, sinh ngày 14/3/2012; Trần Hà Thành Đ, sinh ngày 22/3/2013 và Trần Hà Minh Trang, sinh ngày 01/10/2020 cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị H là 1.000.000đồng/tháng/mỗi cháu (Tức 3.000.000đồng/03 cháu/tháng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 8/2022.

Sau khi ly hôn, anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh Trần văn T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

2.3. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (trong đó 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001362 ngày 14/02/2022 tại C cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Anh T còn tiếp tục phải nộp 300.000đồng.

2.4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng Đ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

2.5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang,
- CCTHADS TP. Bắc Giang,
- Các đương sự,
- UBND phường Đình Kê;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Trường